

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN BÌNH GIANG  
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2024/DS-ST

Ngày: 27/3/2024

*“Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”*

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH GIANG, TỈNH HẢI DƯƠNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm:**

**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Thanh Nam.**

**Các Hội thẩm nhân dân: ông Nguyễn Đức Đông và ông Lương Đình Liên.**

**- Thư ký phiên tòa: ông Đặng Lâm Quốc Huy – Thư ký viên Tòa án nhân dân huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương.**

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa: Bà Ngô Thị Quế - Kiểm sát viên.**

Ngày 27 tháng 3 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án, Tòa án nhân dân huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 28/2023/TLST-DS ngày 06/10/2023 về việc *“Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2024/QĐXXST-DS ngày 21/02/2024; Quyết định hoãn phiên tòa số 02/2024/QĐST-DS ngày 12/3/2024; giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn: Anh Đỗ Văn Th, sinh năm 1978.**

**HKTT: Số A Vũ Công Đ, P.TM, TP HD, tỉnh Hải Dương.**

**- Bị đơn: Anh Vũ Xuân T, sinh năm 1986 và chị Cù Thị N, sinh năm 1990.**

**HKTT: Thôn C, xã LX, huyện BG, tỉnh Hải Dương.**

Chị N ủy quyền cho anh T tham gia tố tụng tại phiên tòa.

(Tại phiên tòa, có mặt: anh Đỗ Văn Th, anh Vũ Xuân T; vắng mặt: chị Cù Thị N).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**Theo đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình làm việc với Tòa án và tại phiên tòa, nguyên đơn là anh Đỗ Văn Th trình bày:**

Do có quan hệ quen biết nên ngày 30/3/2022, vợ chồng anh Vũ Xuân T, chị Cù Thị N đã vay của anh số tiền 500.000.000<sup>d</sup>. Việc vay mượn được lập thành văn bản

"giấy mượn tiền" có ký xác nhận và điểm chỉ của hai bên, lãi suất vay 1%/tháng, thời hạn vay 5 tháng tính từ ngày 30/3/2022. Sau khi ký xác nhận và điểm chỉ vào giấy vay tiền, anh T, chị N đã nhận đủ số tiền 500.000.000<sup>d</sup> và cam kết sẽ thanh toán cho anh tiền nợ gốc và nợ lãi của khoản vay đúng thời hạn 05 tháng kể từ ngày 30/3/2022. Tuy nhiên, quá thời hạn trả nợ anh T, chị N vẫn không thanh toán nợ gốc và lãi cho anh. Sau nhiều lần thúc giục, đến ngày 06/4/2023, anh T, chị N mới trả anh được 200.000.000<sup>d</sup> tiền gốc. Số tiền nợ gốc còn lại là 300.000.000<sup>d</sup> và các khoản nợ lãi phát sinh anh T, chị N vẫn chưa thanh toán cho anh.

Nay anh đề nghị Tòa án buộc anh Vũ Xuân T, chị Cù Thị N có nghĩa vụ thanh toán trả anh một lần tổng số tiền nợ gốc và lãi tạm tính đến ngày 27/3/2024 (ngày xét xử sơ thẩm) là 435.841.000<sup>d</sup> (gồm: nợ gốc chưa thanh toán 300.000.000<sup>d</sup>; tiền lãi trong hạn của khoản vay 500.000.000<sup>d</sup> là 25.000.000<sup>d</sup>; tiền lãi trên nợ lãi của khoản nợ gốc là 3.941.000<sup>d</sup>; lãi quá hạn là 106.900.000<sup>d</sup>).

***Theo lời khai trong quá trình làm việc với Tòa án, bị đơn là anh Vũ Xuân T và chị Cù Thị N trình bày:***

Việc vợ chồng anh vay tiền của anh Th như anh Th trình bày là đúng. Cụ thể, ngày 30/3/2022, vợ chồng anh có vay của anh Đỗ Văn Th số tiền 500.000.000<sup>d</sup>, việc vay mượn được lập thành văn bản có ký xác nhận và điểm chỉ của hai bên, lãi suất vay 1%/tháng, thời hạn vay 5 tháng tính từ ngày 30/3/2022. Mục đích vợ chồng anh vay tiền của anh Th là để vợ chồng kinh doanh. Do làm ăn bị thua lỗ nên đến hạn trả nợ, vợ chồng anh đã không trả được tiền vay anh Th như đã thỏa thuận. Vợ chồng anh đã xin khát nợ anh Th. Đến ngày 06/4/2023, vợ chồng anh đã đi vay mượn để trả cho anh Th được số tiền gốc là 200.000.000<sup>d</sup>. Hiện tại vợ chồng anh còn nợ anh Th 300.000.000 đồng tiền gốc và các khoản tiền lãi.

Vợ chồng anh không có ý thức chiếm đoạt số tiền vay của anh Th nhưng do hoàn cảnh hiện tại vợ chồng anh rất khó khăn, đã nhiều lần anh xin anh Th tạo điều kiện để vợ chồng anh thu xếp trả tiếp anh Th số tiền gốc còn lại là 300.000.000 đồng nhưng anh Th không đồng ý. Nay anh Th có đơn khởi kiện đến Tòa án, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

***Tại phiên tòa:***

Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện; bị đơn giữ nguyên quan điểm như đã trình bày trong quá trình làm việc với Tòa án.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Giang phát biểu quan điểm:

*Về việc tuân theo pháp luật tố tụng:* Người T hành tố tụng, người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa đã thực hiện đúng các quy định của BLTTDS. *Về quan điểm giải quyết vụ án:* Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 227, Điều 228

của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 357, 463, 466, 468 của Bộ luật dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Đỗ Văn Th. Buộc anh Vũ Xuân T và chị Cù Thị N có nghĩa vụ trả cho anh Th 300.000.000 đồng tiền nợ gốc và tiền lãi theo quy định của pháp luật. Về án phí: Buộc anh T và chị N phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về tố tụng:

[1.1]. Về quan hệ tranh chấp; thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu đòi lại tài sản cho vay nên Tòa án xác định quan hệ tranh chấp trong vụ án là tranh chấp về hợp đồng vay tài sản thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn cư trú tại thôn C, xã LX, huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bình Giang theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2]. Về sự vắng mặt của đồng bị đơn: Chị Cù Thị N ủy quyền cho chồng là Vũ Xuân T tham gia tố tụng; tại phiên tòa chị N vắng mặt nhưng người đại diện theo ủy quyền là anh Vũ Xuân T có mặt. Căn cứ khoản 2 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử T hành xét xử vụ án vắng mặt chị Cù Thị N.

[2] Về nội dung:

Căn cứ vào lời trình bày của nguyên đơn, quan điểm thừa nhận của bị đơn và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, có đủ cơ sở kết luận: Ngày 30/3/2022, anh Đỗ Văn Th có cho vợ chồng anh Vũ Xuân T, chị Cù Thị N vay số tiền 500.000.000<sup>d</sup>, lãi suất vay 1%/tháng, thời hạn vay 5 tháng tính từ ngày 30/3/2022. Ngày 06/4/2023, anh T, chị N đã trả anh Th được 200.000.000<sup>d</sup> tiền gốc. Số tiền nợ gốc còn lại 300.000.000<sup>d</sup> và các khoản nợ lãi phát sinh anh T, chị N vẫn chưa thanh toán cho anh Th.

Anh T, chị N vay khoản tiền nêu trên của anh Th trong thời kỳ hôn nhân, cả anh T, chị N đều ký, điểm chỉ vào giấy mượn tiền và đều xác định có nghĩa vụ trả nợ anh Th nên xác định đây là khoản nợ chung của anh T, chị N.

Xét yêu cầu khởi kiện của anh Đỗ Văn Th, Hội đồng xét xử thấy rằng: Ngày 30/3/2022, anh Vũ Xuân T, chị Cù Thị N có vay của anh Đỗ Văn Th số tiền 500.000.000<sup>d</sup>, lãi suất vay 1%/tháng, thời hạn vay 5 tháng tính từ ngày 30/3/2022 đến ngày 30/8/2022. Ngày 06/4/2023, anh T, chị N đã trả anh Th 200.000.000<sup>d</sup> tiền gốc, ngoài ra anh T, chị N chưa trả anh Th bất cứ khoản tiền nào khác. Căn cứ Điều 466, 468 Bộ luật dân sự và hướng dẫn tại Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày

11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán TAND tối cao thì anh T, chị N phải trả anh Th những khoản tiền sau:

+ Khoản nợ gốc chưa trả là 300.000.000<sup>d</sup>.

+ Khoản lãi trên nợ gốc trong hạn chưa trả = 500.000.000<sup>d</sup> x 1%/tháng x 5 tháng = 25.000.000<sup>d</sup>.

+ Khoản lãi trên nợ lãi chưa trả: Nợ lãi chưa trả là 25.000.000<sup>d</sup>; lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự tại thời điểm trả nợ là 10%/năm; thời gian chậm trả tiền lãi trên nợ gốc từ ngày 31/8/2022 đến ngày 27/3/2024 là 01 năm 06 tháng 26 ngày.

Như vậy, khoản lãi trên nợ lãi chưa trả = (25.000.000<sup>d</sup> x 10%) + (25.000.000<sup>d</sup> x 10%/12 x 6) + (25.000.000<sup>d</sup> x 10%/365 x 26) = 3.928.000<sup>d</sup>.

+ Khoản lãi trên nợ gốc quá hạn chưa trả: theo quy định tại điểm b khoản 5 Điều 466 Bộ luật dân sự thì lãi suất vay theo thỏa thuận giữa hai bên là 1%/tháng nên lãi trên nợ gốc quá hạn chưa trả là 1,5%/tháng.

Ngày 06/4/2023, anh T, chị N đã thanh toán 200.000.000<sup>d</sup> tiền nợ gốc nên tiền lãi trên nợ gốc quá hạn sẽ được tính riêng cho hai khoản nợ gốc là 200.000.000<sup>d</sup> và 300.000.000<sup>d</sup>.

- Đối với khoản 200.000.000<sup>d</sup>: thời gian tính lãi từ ngày 31/8/2022 đến ngày 06/4/2023 là 7 tháng 6 ngày. Lãi trên nợ gốc quá hạn chưa trả của khoản vay 200.000.000<sup>d</sup> = (200.000.000<sup>d</sup> x 1,5%/tháng x 7 tháng) + (200.000.000<sup>d</sup> x 1,5%/30 ngày x 6 ngày) = 21.600.000<sup>d</sup>.

- Đối với khoản 300.000.000<sup>d</sup>: thời gian tính lãi từ ngày 31/8/2022 đến ngày 27/3/2024 là 1 năm 6 tháng 26 ngày = 18 tháng 26 ngày. Lãi trên nợ gốc quá hạn chưa trả của khoản vay 300.000.000<sup>d</sup> = (300.000.000<sup>d</sup> x 1,5%/tháng x 18 tháng) + (300.000.000<sup>d</sup> x 1,5%/30 ngày x 26 ngày) = 84.900.000<sup>d</sup>.

Tổng tiền lãi trên nợ gốc quá hạn chưa trả = 21.600.000<sup>d</sup> + 84.900.000<sup>d</sup> = 106.500.000<sup>d</sup>.

Như vậy, tổng tiền gốc và tiền lãi anh T, chị N phải liên đới trả cho anh Th tính đến ngày xét xử sơ thẩm là: 300.000.000<sup>d</sup> + 25.000.000<sup>d</sup> + 3.928.000<sup>d</sup> + 106.500.000<sup>d</sup> = 435.428.000<sup>d</sup>. Chia phần, anh T, chị N mỗi người có nghĩa vụ trả cho anh Th số tiền 217.714.000<sup>d</sup>.

Ngoài ra, kể từ ngày 28/3/2024 (ngày kế tiếp của ngày xét xử sơ thẩm), bên vay còn phải chịu lãi nếu chậm thi hành án theo quy định.

[3] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của anh Đỗ Văn Th được chấp nhận nên anh Vũ Xuân T và chị Cù Thị N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

*Bởi các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ: khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự. Điều 117, 357, 463, 466, 468 Bộ luật Dân sự; Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Đỗ Văn Th về đòi tiền cho vay. Buộc anh Vũ Xuân T và chị Cù Thị N phải liên đới trả cho anh Đỗ Văn Th khoản tiền vay, gồm:

Tiền gốc: 300.000.000<sup>d</sup>; Tiền lãi: 135.428.000<sup>d</sup>. Tổng là 435.428.000<sup>d</sup> (Bốn trăm ba mươi lăm triệu, bốn trăm hai mươi tám nghìn đồng).

Chia theo phần anh T, chị N mỗi người phải trả anh Th số tiền 217.714.000<sup>d</sup> (hai trăm mười bảy triệu, bảy trăm mười bốn nghìn đồng).

Kể từ ngày 28/3/2024 cho đến khi thi hành án xong, anh T và chị N còn phải trả lãi của số tiền còn phải thi hành án theo lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

Về án phí: Áp dụng khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Buộc anh Vũ Xuân T và chị Cù Thị N mỗi người phải chịu 10.885.700<sup>d</sup> (Mười triệu, tám trăm tám mươi lăm nghìn, bảy trăm đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Trả lại cho anh Đỗ Văn Th 10.000.000<sup>d</sup> (mười triệu đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp tại chi cục thi hành án dân sự huyện Bình Giang, theo biên lai thu số AA/2021/0004366 ngày 06/10/2023.

Đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án quy định tại Điều 6,7,9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

**Nơi nhận:**

- Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Giang;
- Chi cục THADS huyện Bình Giang;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.
- Lưu Tòa án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**Lê Thanh Nam**